

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 169/2024/TLST- DSST ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Công ty cổ phần M

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, D, Cầu G, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bùi Công T – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Cao Duy T1 – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ miền B (Theo Văn bản ủy quyền số: 02/2024/UQ-GĐ của Giám đốc Công ty Cổ phần M).

Người được ủy quyền lại: ông Nguyễn Thế T2 – Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng C, TTTM T, số B Đại Lộ L, phường L, TP T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ: Tòa V, số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý (Theo Ủy quyền số 38a/2024/UQN-CTQ ngày 01/06/2024 của ông Ngô Chí D).

Người được ủy quyền lại: Bà Tống Thị L1 – Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng C, TTTM T, số B Đại Lộ L, phường L, TP T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Ông Phạm Thành L2, sinh năm 1996

Địa chỉ: C Ngõ Đ, H, P.B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Đức N sinh năm 2000
Địa chỉ: C Ngõ Đ, H, phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 30 Đồng Lực, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về tổng số tiền nợ: Tính đến ngày 22/05/2025 ông Phạm Thành L2 còn nợ Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M theo Hợp đồng cho vay số LN2201215135416 ngày 25/01/2022 và Hợp đồng LN2308049907850 ngày 30/08/2023 tổng số tiền là: 1.194.719.705 đồng, trong đó nợ gốc là 1.005.642.315 đồng; nợ lãi trong hạn là 152.833.595 đồng; nợ lãi quá hạn là 36.243.795 đồng.

* Về phương án trả nợ: Ông Phạm Thành L2 cam kết thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M chậm nhất là ngày 30/08/2025.

Cụ thể:

Ông Phạm Thành L2 thanh toán cho Công ty cổ phần M tổng số tiền nợ tính đến ngày 22/5/2025 là: 1.066.247.733 đồng (trong đó, nợ gốc: 905.078.083 đồng, N1 lãi trong hạn là: 130.350.235 đồng, Nợ lãi quá hạn là: 30,819,415 đồng).

Ông Phạm Thành L2 thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ tính đến ngày 22/05/2025 là: 128.471.972 đồng (trong đó, nợ gốc: 100.564.232 đồng, N1 lãi trong hạn là: 22.483.360 đồng, N1 lãi quá hạn là: 5.424.380 đồng).

Kể từ ngày 23/05/2025 ông Phạm Thành L2 còn phải chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi xuất thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M.

Về xử lý tài sản đảm bảo: Trường hợp ông Phạm Thành L2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết thì ngân Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản cụ thể như sau:

Xử lý tài sản Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất tại Thửa đất số: 253, Tờ bản đồ số: 12, địa chỉ: C Đ, Phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 951924, Số vào sổ cấp GCN: CS02118 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp ngày 30/12/2021 đứng tên ông Phạm Thành L2. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2201215135416/01 ngày 25/01/2023 để thực hiện trả nợ cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LN2308049907850 ngày 30/08/2023. Sau khi thanh toán hết khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LN2308049907850 ngày 30/08/2023 thì tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho HĐ số LN2201215135416 ngày 25/01/2022.

Trường hợp sau khi xử lý hết tài sản nêu trên mà chưa đảm bảo thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho 02 Hợp đồng LN2308049907850 ngày 30/08/2023 và LN2201215135416 ngày 25/01/2022 thì tiếp tục xử lý tài sản là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất tại Thửa đất số: 252, Tờ bản đồ số: 12, địa chỉ: C Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DD 229978, Số vào sổ cấp GCN: CS02107 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp ngày 26/11/2021 đứng tên ông Phạm Đức N. Tài sản được thế chấp theo Hợp

đồng thế chấp số LN2201215135416/02 ngày 25/01/2022 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M.

Về phần tài sản trên ngõ đi chung rộng 0,75m – 1,35m, dài 27m tổng diện tích 29,55m² nằm trong hai thửa đất thế chấp (thửa đất số 252 và 253). Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp ông Phạm Thành L2 tự nguyện tháo dỡ bàn giao đúng hiện trạng tài sản thế chấp để Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Phạm Thành L2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M.

* Về án phí: Ông Phạm Thành L2 chịu toàn bộ án phí DSST là 23.921.000 đồng (làm tròn số). Ngân hàng TMCP V được trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.783.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002091 ngày 25/12/2024 và trả lại toàn bộ số tiền 21.028.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho Công ty Cổ phần M theo biên lai thu tiền số 0002090 ngày 25/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan Anh